

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/DS-ST

Ngày: 15/8/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Văn Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Ông **Lương Thanh Trung**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trương Trường Chinh** - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2018/QĐXXST-DS ngày 12/7/2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Mộng T**- sinh năm 1975 (có mặt),

Địa chỉ: Ấp MĐ, xã MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Chị **Trương Thị Kim T** - sinh năm 1979 (vắng mặt),

Anh **Nguyễn Chí T** (vắng mặt),

Cùng địa chỉ: Khóm MT, TT. MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2018 và lời trình bày của chị Trần Mộng T tại phiên tòa sơ thẩm như sau: Vào ngày 23/9/2016, chị Trương Thị Kim T có vay của chị số tiền 120.000.000 đồng, việc vay tiền có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng, thời hạn vay đến khi nào chị cần sử dụng tiền thì chị KT sẽ trả lại. Tuy nhiên, sau đó chị T cần tiền và yêu cầu chị KT phải trả số tiền vay nêu trên cho chị nhưng chị T không thực hiện như đã thỏa thuận. Kể từ khi vay tiền đến nay thì chị T không trả tiền vay và cũng không trả lãi suất như đã thỏa thuận nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trương Thị Kim T cùng chồng là Nguyễn Chí T phải liên đới trả số tiền vay là 120.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày 23/9/2016 đến ngày 05/02/2018 là 20.250.000 đồng, tổng cộng là 140.250.000đ (một trăm bốn mươi triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi suất phát sinh từ

ngày 05/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, chị T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh Nguyễn Chí T cùng có trách nhiệm liên đới với chị T trả nợ cho chị, chị chỉ yêu cầu một mình chị Trương Thị Kim T phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền vay là 120.000.000 đồng và yêu cầu chị T phải trả lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày 23/9/2016 đến ngày xét xử (ngày 15/8/2018) làm tròn 22 tháng với số tiền là 29.700.000 đồng, tổng cộng cả tiền vay gốc và lãi suất là 149.700.000 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Đối với bị đơn là chị Trương Thị Kim T và anh Nguyễn Chí T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các giấy triệu tập họp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án.

- Kèm theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án bản gốc Hợp đồng vay tiền đề ngày 23/9/2016 có thể hiện số tiền cụ thể mà bị đơn đã vay của nguyên đơn và có thể hiện lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết đồng thời đã triệu tập các đương sự để công khai nhưng bị đơn không đến và cũng không có ý kiến gì đối với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

Về quan hệ pháp luật tranh chấp, căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tố tụng, tại phiên tòa ngày 27/7/2018 và ngày 15/8/2018, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án này, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo văn bản đề ngày 08/7/2018 và tại phiên tòa, chị T cho rằng tuy anh Nguyễn Chí T là chồng của chị Trương Thị Kim T, nhưng việc vay tiền giữa chị và chị T thì anh T không biết cũng như không có liên quan gì trong vụ án này nên chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Chí T, chị chỉ yêu cầu một mình chị KT có nghĩa vụ trả nợ cho chị. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu

khởi kiện của chị T là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện trên của chị T.

Xét yêu cầu của chị Trần Mộng T về việc yêu cầu bị đơn chị Trương Thị Kim T phải trả số tiền vay là 120.000.000 đồng và yêu cầu chị KT phải trả lãi suất 1.125%/tháng tính từ ngày 23/9/2016 đến ngày xét xử (ngày 15/8/2018) làm tròn 22 tháng với số tiền là 29.700.000 đồng, tổng cộng cả tiền vay gốc và lãi suất là 149.700.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 23/9/2016, giữa chị T và chị KT có thỏa thuận vay số tiền là 120.000.000 đồng, đã được chị T chứng minh bằng Hợp đồng vay tiền đề ngày 23/9/2016 có chữ ký của chị KT, đã thể hiện đúng như lời trình bày của chị T.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho chị KT. Tuy nhiên, chị KT vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Mặc khác, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay giữa hai bên đương sự là có thật nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu về lãi suất, theo nội dung hợp đồng vay tiền đề ngày 23/9/2016 do chị T giao nộp cho Tòa án có thể hiện việc hai bên có thỏa thuận lãi suất phải trả hàng tháng, theo chị T mức lãi suất 3% tháng, việc này phía bị đơn cũng đã được thông báo nhưng cũng không có ý kiến phản bác hay yêu cầu gì khác liên quan đến mức lãi do nguyên đơn trình bày. Như vậy có căn cứ xác định giao dịch giữa hai bên là hợp đồng vay có lãi suất 3% /tháng và nghĩa vụ trả lãi bắt đầu phát sinh kể từ ngày 23/9/2016 nhưng đến nay chị KT vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận do đó chị T yêu cầu chị KT phải trả lãi suất theo mức lãi suất là 1.125%/tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị T được chấp nhận nên chị KT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

*** Tuyên xử:**

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Mộng T đối với yêu cầu

anh Nguyễn Chí T cùng có trách nhiệm liên đới với chị KT trả nợ cho chị T.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Mộng T. Buộc chị Trương Thị Kim T phải trả cho chị Trần Mộng T số tiền vay là 120.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 15/8/2018) làm tròn 22 tháng với số tiền là 29.700.000 đồng, tổng cộng 149.700.000 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.485.000 đồng, buộc chị Trương Thị Kim T phải chịu.

+ Chị Trần Mộng T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000 đồng theo biên lai số 04301 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND HCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Văn Phong